SYLLABUS
(Advanced Vietnamese)

Tiếng Việt trình độ B1

Chương trình học

Bài 1: Gọi điện thoại	**Ngữ pháp**: *...đi...về; hơi + tính từ; nếu...thì; giá...thì; mấy*
Bài 2: Chuyện gia đình	**Ngữ pháp**: *khi...thì; động từ + giúp / hộ / giùm; trở thành; trở lên*
Bài 3: Liên hoan	**Ngữ pháp**: *nhớ...; cho + tính từ; bao nhiêu (là); làm sao ...được.*
Bài 4: Phỏng vấn	**Ngữ pháp**: *tuy...nhưng; mặc dù ...nhưng; dù ...nhưng; khá, tương đối, không...lắm; đến nỗi, đến mức*
Bài 5: Đi xem hội	**Ngữ pháp**: *...đấy; A chứ không B; cả...lẫn / và...;...không xuể, không nổi*
Bài 6: Chuyện học hành	**Ngữ pháp**: *ra, thấy; được...ơi là...; tự, lấy ; là / rằng; so với...*
Bài 7: Vô tuyến truyền hình	**Ngữ pháp**: *...hả...? ; nào cũng, gì cũng, ai cũng; ...nhỉ? hình như...thì phải; không...(một)...nào.*
Bài 8: Trên đường phố	**Ngữ pháp**: *thử ...xem; cấm; thế mà; bất cứ...nào...cũng*
Bài 9: Đám cưới	**Ngữ pháp**: *hơn nữa; chẳng lẽ ...à/ hay sao?; chẳng hạn như; ...chứ.*
Bài 10: Đi tham quan	**Ngữ pháp**: *không...gì cả; hàng...nay; có...; mải...; thế nào cũng*

Bài 11: Tết nguyên đán	**Ngữ pháp**: *viết gì mà…thế; toàn…; không biết…là gì*
Bài 12: Viết thư	**Ngữ pháp:** *nghe nói…; …càng ngày càng…/…ngày càng…; làm cho, khiến cho; …càng…càng…cách viết thư*
Bài 13: Ở bệnh viện	**Ngữ pháp**: *đỡ…; tính từ + ra, lên, đi, lại; đành…vậy; mãi…mới*
Bài 14: Thuê nhà	**Ngữ pháp**: *được, bị; động từ + phải; đến / phải đến…; thật / thật là …; đã…;có…thôi; đã…lại…*
Bài 15: Dịch vụ - Sửa chữa	**Ngữ pháp**: *khoảng, độ, chừng; những; …cứ…là…còn; còn…; A, lại B; mới…; từng…một*
Bài 16: Văn Miếu – Trường đại học đầu tiên	**Ngữ pháp**: *…đấy; không / chẳng …mấy; hẳn; …mà…*

Tiếng Việt trình độ B2

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

BÀI 1 : BÁO CHÍ
Ngữ pháp: *mỗi, từng; những, các, tất cả, cả, toàn bộ, toàn thể*
BÀI 2: ĐI THAM QUAN
Ngữ pháp: *nhìn, xem, ngó, trông, thấy, ngắm, chứng kiến, quan sát, theo dõi, giám sát, mời, nhờ, khuyên, bắt, bảo, sai, yêu cầ*
BÀI 3: CHUYỆN CỦA NGƯỜI GIÀ
Ngữ pháp: *quá thể/ quá đáng;…thế là…đến, tới, những tận; hết…đến…*
BÀI 4 : HỒ GƯƠM
Ngữ pháp*: Ngay cả, thậm chí, đến mức, đến nỗi câu + mà; thì là (là) / hóa ra (là), thì ra thế / hóa ra thế*
BÀI 5 : NẤU NƯỚNG
Ngữ pháp: Một số kiểu câu yêu cầu; câu + đã / cái đã ; liệu...
BÀI 6: PHỤ NỮ

***Ngữ pháp**:* không những… mà còn…đã…lại…; chẳng cứ…mà cả…; không chỉ…mà cả…; thôi được, cũng được; miễn là; tín
BÀI 7: GIÁO DỤC
Ngữ pháp: cả, hết; đâu; tính từ + gì; làm sao mà…được
BÀI 8: KINH TẾ
Ngữ pháp: chỉ, mới, có, mỗi; chẳng mấy…; vừa…đã…; gọi là
BÀI 9: KHOA HỌC
Ngữ pháp: …kẻo…,…không thì…; mà + tính từ; nào…ấy; …gì…nấy; …ai…người; đấy / nấy; …đâu…đấy…; bao nhiêu…/ mất, được
BÀI 10: BỆNH TẬT
Ngữ pháp: nhóm từ chỉ mục đích; để, mà, cho, bằng; tạm, theo, nốt, qua, kỹ
BÀI 11: THỂ THAO
Ngữ pháp: ai đó, gì đó, nào đó, đâu đó; nghi, ngờ, tưởng; sợ, ngại, dám; lẽ ra, đáng ra, đáng lẽ
BÀI 12: NGHỆ THUẬT

Ngữ pháp: một số kiểu so sánh; giục, nài nỉ, nhắc, nhắn, dặn; nữa là
BÀI 13: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM
Ngữ pháp: …thì …thật nhưng…;…(chỉ) có điều (là)…;…hay sao mà…; ra, vào
Bài 14: TRIỂN LÃM
Ngữ pháp: Một số cách nói khẳng định; câu + là + tính từ; trôi qua, trải qua, vượt qua vốn, từng, nguyên + động từ/ tính từ
BÀI 15: TRANH VIỆT NAM
Ngữ pháp: sao lại không; A với B gì;…làm gì;…phải; số từ số lượng không xác định
BÀI 16: THIÊN TAI VÀ MÔI TRƯỜNG
Ngữ pháp: Có vẻ, tỏ vẻ, tỏ ra, ra vẻ; trót, lỡ, thản nhiên; thảo nào
BÀI 17: HỘI ĐỀN HÙNG
Ngữ pháp: Một số mẫu câu điều kiện; làm / làm cho; khiến / khiến cho; gây / gây ra; dẫn đến